

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG
VÀ CHẤT BỐT BÔNG NAI**

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

MỤC LỤC

Trang	1 - 4	BẢO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
	5 - 6	BẢO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
		BẢO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
	7 - 10	Bảng cân đối kế toán
	11	Bảo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
	12 - 13	Bảo cáo lưu chuyển tiền tệ
	14 - 34	Thuyết minh báo cáo tài chính

MS
TR

BẢO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Bông Nai (sau đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Bông Nai là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 2863/2003/QĐ-CT,UBT ngày 05 tháng 09 năm 2003 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4703000089 (số mới là 3600661303) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 06 tháng 01 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 24 tháng 02 năm 2017.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2017 và 01/01/2017 là 20.798.000.000 VND tương đương với 2.079.800 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Xăng, dầu, nhớt, các chất bôi trơn (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar và các dịch vụ giải khát có kèm nhiều vũ) (chỉ hoạt động khi có quan có thẩm quyền chấp thuận và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Bán buôn nông sản (thực hiện theo Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Khi dầu mỡ hoá lỏng, chất đốt (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét (không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi có quan có thẩm quyền chấp thuận và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác đá (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- doanh nghiệp quy định của pháp luật;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- doanh nghiệp quy định của pháp luật);
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ vật liệu xây dựng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Xăng, dầu, nhớt, khí dầu mỡ hoá lỏng và các chất bôi trơn (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Trồng cây lâu năm khác. Chi tiết: Trồng cây công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở).

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là bán lẻ xăng, dầu, nhớt, các chất bôi trơn và khí dầu mỡ hoá lỏng, chất đốt.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 255B Phạm Văn Thuận, P. Tân Mai, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Thông tin về chi nhánh

Ngoài ra, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Cửa hàng Xăng dầu Hưng Nghĩa - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Số 1, Ấp Hưng Nghĩa, Quốc lộ 1A, Xã Hưng Lộc, Huyện Thống Nhất, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
2	Cửa hàng Xăng dầu Núi Le - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Ấp 4, Quốc lộ 1A, Xã Xuân Tâm, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
3	Cửa hàng Xăng dầu Long Phước - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Quốc lộ 51, Ấp Đất Mới, Xã Long Phước, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
4	Cửa hàng Xăng dầu Dầu Giây - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Ngã 3 Dầu Giây, Quốc lộ 1A, Xã Xuân Thành, Huyện Thống Nhất, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
5	Cửa hàng Xăng dầu Trảng Bom - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Quốc lộ 1, Khu phố 3, Thị trấn Trảng Bom, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
6	Cửa hàng Xăng dầu Số 2 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Số 219 Phạm Văn Thuận, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
7	Cửa hàng Xăng dầu Tân Biên - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Số 474/8, KP 5B, Ngã 3 Cầu Sập, Xã lộ Hà Nội, Phường Tân Biên, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
8	Cửa hàng Xăng dầu An Bình - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Số 1A, KP 10, Xã lộ Hà Nội, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
9	Cửa hàng Xăng dầu Phú Bình - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Km 135, Quốc lộ 20, Xã Phú Bình, Huyện Tân Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
10	Trạm Xăng dầu Trảng Dài II - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Số 36, KP.3, Tổ 10, Đường phố Bù Trông Nghĩa, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Hội đồng quản trị:

Họ tên	Ông Phan Doãn Thân	Chủ tịch
Họ tên	Ông Phạm Văn Nam	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Võ Trường Sơn	Thành viên	
Ông Nguyễn Hồng Quân	Thành viên	
Ông Đỗ Việt Hành	Thành viên	

Ban kiểm soát:

Họ tên	Bà Nguyễn Thị Kim Oanh	Trưởng ban
Ông Tống Duy Khương	Thành viên	
Ông Trịnh Thành Đồ	Thành viên	

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc
Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Giám đốc:

Họ tên Ông Nguyễn Võ Trường Sơn Chức vụ Giám đốc
Ông Phan Doãn Thân Phó Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho đến ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và Tên Ông Nguyễn Võ Trường Sơn Quốc tịch Việt Nam Chức vụ Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phát:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

7. Phê duyệt báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



PHAN ĐOÀN THẬN
Chủ tịch
Đồng Nai, ngày 31 tháng 01 năm 2018

Số: 233/2018/BCKT-HCM.00814

BÁO CÁO KIỂM TOÁN BỘC LẬP

Kính gửi:
Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 01 năm 2018, từ trang 7 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 tại ngày 06 tháng 02 năm 2019.



ĐẶNG THỊ MỸ VÂN

Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán

0173-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 01 năm 2018

PHẠM THỊ NGỌC LIÊN

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán

1180-2018-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
TÀI SẢN				
A - TÀI SẢN NGÂN HÀNG	100		61.109.719.886	66.504.486.124
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	14.209.574.348	7.538.944.154
1. Tiền	111		14.209.574.348	7.538.944.154
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.3	34.680.884.128	27.121.239.781
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		32.173.775.579	26.952.748.774
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4.1	2.811.608.000	43.900.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp	134		-	-
đồng xây dựng				
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5.1	192.465.249	833.573.196
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(496.964.700)	(708.982.189)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	12.219.261.410	30.138.340.180
1. Hàng tồn kho	141		12.219.261.410	30.138.340.180
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	1.705.962.009
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	1.273.887.008
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.13	-	432.075.001
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	VND	01/01/2017	VND
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		25.233.450.022		17.512.404.737	
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.385.400.000		61.667.000	
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-		-	
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	5.4.2	1.325.000.000		-	
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-		-	
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-		-	
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-		-	
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5.2	60.400.000		61.667.000	
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-		-	
II. Tài sản cố định	220		16.959.369.886		8.302.466.573	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	5.062.059.844		3.619.389.095	
- Nguyên giá	222		20.343.357.039		18.008.229.434	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.281.297.195)		(14.388.840.339)	
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-		-	
- Nguyên giá	225		-		-	
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-		-	
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	11.897.310.042		4.683.077.478	
- Nguyên giá	228		12.544.027.564		5.776.545.200	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(646.717.522)		(1.093.467.722)	
III. Bất động sản đầu tư	230					
- Nguyên giá	231		-		-	
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-		-	
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240					
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	241		-		-	
dài hạn	242		-		-	
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang						
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	4.100.000.000		7.100.000.000	
1. Đầu tư vào công ty con	251		-		-	
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.100.000.000		1.100.000.000	
3. Đầu tư vào đơn vị khác	253		3.000.000.000		6.000.000.000	
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-		-	
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-		-	
VI. Tài sản dài hạn khác	260	5.10	2.788.680.136		2.048.271.164	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.788.680.136		2.048.271.164	
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-		-	
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-		-	
4. Tài sản dài hạn khác	268		-		-	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		86.343.169.908		84.016.890.861	

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
NGUỒN VỐN				
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		50.766.705.844	31.613.730.698
I. Nợ ngắn hạn	310		50.524.139.177	31.377.164.031
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	1.769.616.509	1.009.656.321
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	146.980.040	729.631.185
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	1.113.838.225	937.135.194
4. Phải trả người lao động	314		1.337.436.246	1.214.971.475
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	8.764.579	12.322.139
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp	317		-	-
đồng xây dựng				
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15.1	27.261.155.260	3.920.466.316
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	14.865.090.000	19.413.500.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.17	4.021.258.318	4.139.481.401
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu	324		-	-
Chính phủ				
II. Nợ dài hạn	330		242.566.667	236.566.667
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.15.2	242.566.667	236.566.667
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số Thuyết minh	31/12/2017	VND	01/01/2017	VND
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	35.576.464.064	52.403.160.163	52.403.160.163	
1. Vốn chủ sở hữu	410	5.18			
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		20.798.000.000	20.798.000.000	
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		20.798.000.000	20.798.000.000	
- Cổ phiếu ưu đãi	411b				
2. Thặng dư vốn cổ phần	412				
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413				
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414				
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415				
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416				
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417				
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		12.323.598.766	14.336.716.880	
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419				
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420				
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.454.865.298	17.268.444.283	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421a			8.313.765.497	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ trước	421b		2.454.865.298	8.954.678.786	
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422				
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430				
1. Nguồn kinh phí	431				
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432				
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		86.343.169.908	84.016.890.861	

NGUYỄN THỊ THẠI LOAN
Người lập biểu

BỘ VIẾT HÀNH
Kế toán trưởng

NGUYỄN VŨ TRƯỜNG SON
Giám đốc

Bông Nai, ngày 31 tháng 01 năm 2018



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ CHẤT BÓT ĐỒNG NAI
256B Phạm Văn Thuận, P. Tân Mai, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết	Năm 2017	Năm 2016
----------	-----------	----------	----------

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	864.809.429.717	707.075.961.738
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	162.223.223	193.053.830
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	864.647.206.494	706.882.907.908
Giá vốn hàng bán	11	806.770.505.004	649.180.920.605
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	57.876.701.490	57.701.987.303
Doanh thu hoạt động tài chính	21	91.606.031	1.375.394.989
Chi phí tài chính	22	100.281.263	92.559.486
Trong đó: chi phí lãi vay	23	100.281.263	92.559.486
Chi phí bán hàng	25	23.894.203.744	23.465.960.012
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	10.200.416.379	11.960.626.011
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	23.773.406.135	23.558.236.784
Thu nhập khác	31	1.918.512.084	1.230.624.610
Chi phí khác	32	1.903.400.992	820.712.640
Lợi nhuận khác	40	15.111.092	409.911.970
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60	23.788.517.227	23.968.148.754
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	4.812.682.106	4.659.229.889
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	80	18.975.825.121	19.308.918.865
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	6.937	82.049

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Công ty số 04/NQ-DHĐCĐ ngày 11 tháng 01 năm 2017, Đại hội đồng Cổ đông thông qua sửa đổi điều lệ Công ty và thay đổi mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành từ 100.000 VND/cổ phiếu thành 10.000 VND/cổ phiếu.



NGUYỄN THỊ THẠI LOAN	ĐỖ VIỆT HẠNH	NGUYỄN VŨ TRƯỜNG SƠN
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
		Đồng Nai, ngày 31 tháng 01 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	23.788.517.227	23.968.148.754
2. Điều chỉnh cho các khoản khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	980.966.687	908.147.666
Các khoản dự phòng	03	(212.017.489)	579.793.773
(Lãi)/lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	04	-	-
các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	05	(233.240.571)	(1.880.755.398)
(Lãi)/lãi từ hoạt động đầu tư	06	100.281.263	92.559.485
Chi phí lãi vay	07	-	-
Các khoản điều chỉnh khác	08	24.424.507.117	23.667.894.280
thay đổi vốn lưu động			
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(6.965.397.849)	(1.742.198.811)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	17.919.078.770	(14.555.824.244)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay	11	(3.724.279.072)	2.643.544.367
phải trả, thuế TNDN phải nộp)	12	(740.408.972)	(1.128.377.691)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	13	-	-
(Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	14	(105.272.673)	(80.237.346)
Tiền lãi vay đã trả	15	(4.060.265.093)	(5.663.839.672)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	2.016.989.925	6.671.365.191
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	17	(7.423.246.034)	(7.458.008.516)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	21.341.706.119	2.354.317.558
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(10.286.671.956)	(1.435.816.553)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.232.000.000	1.090.909.091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	3.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	91.606.031	1.375.394.989
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.963.065.925)	1.030.487.527
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ di vey	33	168.602.290.000	119.625.600.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(173.150.700.000)	(109.212.100.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.159.600.000)	(14.558.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(8.708.010.000)	(4.145.100.000)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20 + 30 + 40)	60	6.670.630.194	(760.294.915)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	60	7.538.944.154	8.299.239.069
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50 + 60 + 61)	70	14.209.574.348	7.538.944.154

NGUYỄN THỊ THAI LOAN
Người lập biểu

ĐỖ VIỆT HẠNH
Kế toán trưởng

NGUYỄN VŨ TRƯỜNG SON
Giám đốc
Đồng Nai, ngày 31 tháng 01 năm 2018



Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đót Đất Đồng Nai là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 2863/2003/QĐ-CT, UB.T ngày 05 tháng 09 năm 2003 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có phần số 4703000089 (số mới là 3600661303) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 06 tháng 01 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 24 tháng 02 năm 2017.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2017 và 01/01/2017 là 20.798.000.000 VND tương đương với 2.079.800 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Trụ sở chính của công ty đặt tại 255B Phạm Văn Thuận, P. Tân Mai, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Xăng, dầu, nhớt, các chất bôi trơn (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
 - Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar và các dịch vụ giải khát có kèm nhiều vũ) (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh và có đủ điều kiện chấp thuận và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
 - Đại lý ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
 - Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Bán buôn nông sản (thực hiện theo Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ);
 - Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Khi dầu mỡ hoá lỏng, chất đót (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
 - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng;
 - Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét (không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
 - Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác đá (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
 - Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
 - doanh nghiệp quy định của pháp luật);
 - Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
 - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;
 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc di thuê (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
 - Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
 - Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ vật liệu xây dựng;
 - Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Xăng, dầu, nhớt, khí dầu mỏ hoá lỏng và các chất bôi trơn (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
 - Trồng cây lâu năm khác. Chi tiết: Trồng cây công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở).
- Trong năm, hoạt động chính của Công ty là bán lẻ xăng, dầu, nhớt, các chất bôi trơn và khí dầu mỏ hoá lỏng, chất đót.

THUYẾT MINH BẢO CAO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1.4 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Công ty

Công ty liên kết

Công ty có 1 công ty liên kết bao gồm:

Tên công ty	Thành lập theo	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600248537 cấp lần đầu ngày 08/10/1998	01A Xa lộ Hà Nội, Phường Tân Biên, Thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai	An uống công cộng, chế biến bữa ăn	44%

Thông tin về chi nhánh

Ngoài ra, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

STT Tên đơn vị Địa chỉ

1	Cửa hàng Xăng dầu Hưng Nghĩa - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Số 1, Ấp Hưng Nghĩa, Quốc lộ 1A, Xã Hưng Lộc, Huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
2	Cửa hàng Xăng dầu Núi Lê - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Ấp 4, Quốc lộ 1A, Xã Xuân Tâm, Huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
3	Cửa hàng Xăng dầu Long Phước - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Quốc lộ 51, Ấp Đất Mới, Xã Long Phước, Huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
4	Cửa hàng Xăng dầu Dầu Giây - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Ngã 3 Dầu Giây, Quốc lộ 1A, Xã Xuân Thành, Huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
5	Cửa hàng Xăng dầu Trảng Bom - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Quốc lộ 1, Khu phố 3, Thị trấn Trảng Bom, Huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
6	Cửa hàng Xăng dầu Số 2 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Số 219 Phạm Văn Thuận, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
7	Cửa hàng Xăng dầu Tân Biên - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Số 474/8, KP 5B, Ngã 3 Cầu Sập, Xa lộ Hà Nội, Phường Tân Biên, Thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
8	Cửa hàng Xăng dầu An Bình - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Số 1A, KP 10, Xa lộ Hà Nội, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
9	Cửa hàng Xăng dầu Phú Bình - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Km 135, Quốc lộ 20, Xã Phú Bình, Huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
10	Trạm Xăng dầu Trảng Dài II - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Số 36, KP.3, Tổ 10, Đường Bùi Trọng Nghĩa, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

- 1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**
- Các số liệu tương ứng của báo cáo tài chính năm nay so sánh được với số liệu báo cáo tài chính của năm trước.
- 1.7 Nhân viên**
- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tổng số nhân viên của Công ty là 106 người (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 103 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TẾ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 2.1 Năm tài chính**
- Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
- Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỨC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
- Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính (Thông tư 200/2014/TT-BTC) và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.
- Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.
- 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
- Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

- 4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính**
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luông tiền).
- 4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm kết thúc năm tài chính, Công ty đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

4.3

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn công các chỉ phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trừ vòng hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhận với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào chỉ phí tài chính.

4.5

Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:
- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dự các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chỉ phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.6

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

THUYẾT MINH BẢO CAO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:
- Hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản có định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

Số năm	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải
4 – 25			
5 – 8			
6 – 8			

4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 29 - 50 năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả ngắn hạn, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả ngắn hạn các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kê toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.11 Tiền lương

Tiền lương phản bổ vào chi phí trong năm được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên Hợp đồng lao động.

4.12 Các khoản trích theo lương

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương theo hợp đồng lao động vào chi phí là 18% và trừ lương căn bộ công nhân viên là 8%. Theo quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/04/2017, từ ngày 01/06/2017, Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương theo hợp đồng lao động vào chi phí là 17,5% và trừ lương căn bộ công nhân viên là 8%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương vào chi phí là 3% và trừ vào lương căn bộ công nhân viên là 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương vào chi phí là 1% và trừ vào lương căn bộ công nhân viên là 1%.

Kinh phí công đoàn được trích trên lương vào chi phí là 2%.

4.13 Vốn góp chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Các quy

Các quy được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

4.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được căn nhắc đến các khoản mục phí tiền tệ năm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phí tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.15 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

4.16 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm trừ khi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.17 Thuế hoạt động

Một khoản thuế được xem là thuế hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Chi phí thuế hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

4.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế kỳ tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ từ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế;
- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.19 Bảo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Các cá nhân/ công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

Cá nhân/ Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Công ty TNHH MTV Dầu từ Phát triển Bửu Long	Việt Nam	Cổ đông
Công ty Xăng dầu Đồng Nai	Việt Nam	Cổ đông
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Dầu từ - Công ty	Việt Nam	Cổ đông
Cổ phần		
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc		Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1	Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2017	01/01/2017
	Tiền mặt	5.758.540.442	2.329.405.550
	Tiền gửi ngân hàng	8.451.033.906	5.209.538.604
		14.209.574.348	7.538.944.154

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

31/12/2017	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết	1,100,000,000	-	(*)	1,100,000,000	-	(*)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	3,000,000,000	-	(*)	3,000,000,000	-	(*)
Công ty Cổ phần Dầu từ và Quản lý Khu Liên						
Hợp Công Nông Nghiệp						
Đồng Nai - Agropark						
Công ty Cổ phần Phát	-	-	(*)	3,000,000,000	-	(*)
trên Đô thị Tam Phước	4,100,000,000	-	(*)	7,100,000,000	-	(*)

(a) Đây là khoản đầu tư vào Công ty TNHH Thực phẩm Ràng Đồng với giá trị vốn góp là 1,100,000,000 VND, chiếm tỷ lệ 44% vốn điều lệ của Công ty này. Công ty TNHH Thực phẩm Ràng Đồng là công ty tách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600248537 cấp lần đầu ngày 20 tháng 06 năm 1996 và thay đổi lần thứ 4 ngày 25 tháng 07 năm 2016. Hoạt động chính của công ty liên kết là dịch vụ ăn uống khác, chi tiết: cung ứng dịch vụ ăn uống.

Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 của công ty liên kết, do đó Công ty chưa đánh giá, lập dự phòng đầu tư tài chính (nếu có) là không trọng yếu. Ban Giám đốc xác định việc trích lập dự phòng đầu tư tài chính (nếu có) là không trọng yếu. Các giao dịch trọng yếu với công ty liên doanh được trình bày tại mục 7.1.2.

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

Phải thu ngắn hạn của khách hàng

01/01/2017	VND	31/12/2017	VND	Phải thu các bên liên quan	Phải thu các khách hàng khác
-	-	31,943,274	56,453,760	Công ty TNHH MTV Dầu từ Phát triển Bưu Long	Công ty TNHH Thực phẩm Ràng Đồng
126,083,852		923,588,590	659,684,758	Công ty TNHH Văn tại Hà Nguyễn	Phải thu các khách hàng khác
566,072,700				Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	
704,308,133				tại Đồng Nai	
99,999,780		633,856,495		Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Đồng	
495,716,580		528,570,400		Hưng Thịnh	
778,860,000		622,660,000		Công ty TNHH MTV Kim Hưng Tiên	
421,879,993		610,919,993		DNTN Trâm Xăng dầu số 561	
610,632,000		518,640,000		DNTN Trâm Xăng dầu số 561	
202,720,000		540,276,000		Công ty Cổ phần Nam Thịnh Phát	
22,946,475,736		518,962,240		Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu	
26,952,748,774		25,641,180,069		Công ty TNHH Daeyeong Vina	
				Công ty TNHH Gia Bảo Thịnh	
				Các khách hàng khác	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn, dài hạn

5.4.1 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Trả trước cho bên liên quan	1.608.000	-
Công ty Xăng dầu Đồng Nai		
Trả trước người bán khác	2.788.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Nai		
Các nhà cung cấp khác	22.000.000	43.900.000
	<u>2.811.608.000</u>	<u>43.900.000</u>

5.4.2 Trả trước cho người bán dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Trả trước người bán khác	1.325.000.000	-
Công ty TNHH Quý Như Ngọc		
	<u>1.325.000.000</u>	<u>-</u>

5.5 Phải thu khác

5.5.1 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017	01/01/2017
Giá trị Dự phòng	VND	VND
Giá trị Dự phòng	VND	VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	160.870.709	825.110.196
Tiền thuế nộp hồ	-	-
Phải thu các hộ thuế ki ốt	23.034.640	153.100
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	8.559.900	8.309.900
	<u>192.465.249</u>	<u>833.573.196</u>

5.5.2 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2017	01/01/2017
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	60.400.000	61.667.000
Cầm cổ, thế chấp, ký quỹ, ký cược	60.400.000	61.667.000
	<u>60.400.000</u>	<u>61.667.000</u>

THUYẾT MINH BẢO CẠO TẠI CHỖ

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

[illegible]

5.7 Hàng tồn kho

Hàng hóa	12.219.261.410	-	30.138.340.180	-
	12.219.261.410	-	30.138.340.180	-
31/12/2017	Gia trị Dự phòng VND		01/01/2017	Gia trị Dự phòng VND

5.8 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

NGUYÊN GIÁ		GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2017	Mua trong năm	Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017	Tại ngày 31/12/2017
10.985.019.434	-	1.747.218.516	9.495.375.747	1.489.643.687	2.834.823.299
3.988.537.298	587.909.089	-	3.641.472.953	347.064.345	783.317.978
3.034.672.702	-	-	1.251.991.639	1.782.681.063	1.443.918.567
18.008.229.434	587.909.089	1.747.218.516	14.388.840.339	3.619.389.095	5.062.059.844
VND	VND	VND			
Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.9 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng	NGUỒN GIẢ	
			Tại 01/01/2017	Tại 31/12/2017
5.635.495.200	141.050.000	5.776.545.200	Mua trong năm	Thanh lý
8.489.330.400	163.636.364	8.652.966.764		
(1.744.434.400)	(141.050.000)	(1.885.484.400)		
12.380.391.200	163.636.364	12.544.027.564		

GIẢ TRỊ HAO MÒN LUY KẾ
Tại 01/01/2017 952.417.722
Khấu hao 80.328.012
Thanh lý (394.210.031)

638.535.703	8.181.819	646.717.522
(141.050.000)	(141.050.000)	(535.260.031)
80.328.012	8.181.819	88.509.831
141.050.000	1.093.467.722	1.093.467.722

GIẢ TRỊ CÒN LẠI
Tại 01/01/2017 4.683.077.478

4.683.077.478	-	4.683.077.478
---------------	---	---------------

Tại 31/12/2017 11.741.855.497

11.741.855.497	155.454.545	11.897.310.042
----------------	-------------	----------------

5.10 Chi phí trả trước dài hạn

31/12/2017	01/01/2017	VND	Năng cấp và cải tạo cửa hàng An Bình	
			Sửa chữa sân đường cửa hàng An Bình	Sửa chữa sân đường cửa hàng Long Phước
225.558.903	384.776.943	384.776.943	418.762.622	637.247.474
386.656.546	579.984.815	579.984.815	225.719.156	446.261.932
1.531.982.909	2.048.271.164	2.048.271.164		

Chi phí trả trước dài hạn khác
Sân đường, tưong chắn lửa cửa hàng Tân Biên
Sửa chữa sân đường cửa hàng Long Phước

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

31/12/2017	01/01/2017	VND	Phải trả các nhà cung cấp khác	
			Công ty TNHH Thương Mại Minh Đại	Công ty TNHH Hưng Lộc Phát
653.405.307	318.723.928	318.723.928	606.100.000	690.932.393
510.111.202	1.009.656.321	1.009.656.321		

Phải trả các nhà cung cấp khác
Công ty TNHH Thương Mại Minh Đại
Công ty TNHH Hưng Lộc Phát

5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

31/12/2017	01/01/2017	VND	Trả trước của các khách hàng khác	
			Công ty TNHH Xích KMC Việt Nam	Công ty TNHH May Million Win (Việt Nam)
32.301.490	42.987.000	42.987.000	38.150.400	19.727.340
38.150.400	-	-	56.800.810	686.644.185
146.980.040	729.631.185	729.631.185		

Trả trước của các khách hàng khác
Công ty TNHH Xích KMC Việt Nam
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Y Cường
Thịnh
Công ty TNHH May Million Win (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.13 Thuế và các khoản thu/ phải nộp Nhà nước

	01/01/2017		Số phát sinh trong năm		31/12/2017	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT	-	-	86.512.530.664 (5.059.848.050)	(81.049.729.369)	402.953.245	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(432.075.001)	4.869.961.712 (4.060.265.093)	-	377.621.618	-
Thuế thu nhập cá nhân	937.135.194	-	697.522.955 (1.301.394.787)	-	333.263.362	-
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	-	592.347.753 (592.347.753)	-	-	-
Thuế môn bài	-	-	500.000 (500.000)	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	12.000.000 (12.000.000)	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	61.606.155 (61.606.155)	-	-	-
937.135.194 (432.075.001)	92.746.469.239 (11.087.961.838)	(81.049.729.369)	1.113.838.225	-	-	-

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm 2017		Năm 2016	
	VND	VND	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	23.788.517.227	23.968.148.754	204.217.845	23.296.149.446
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:	329.303.066	(54.359.761)	(876.217.153)	23.296.149.446
Thu nhập chịu thuế	24.063.460.532	23.296.149.446	-	-
Thu nhập được miễn thuế	-	-	-	-
Lỗ các năm trước được chuyển	-	-	-	-
Thu nhập tính thuế	24.063.460.532	23.296.149.446	20%	4.659.229.889
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.812.692.106	4.659.229.889	12.322.139	12.322.139

5.14	Chi phí phải trả ngắn hạn	31/12/2017	01/01/2017
	Lãi vay phải trả	7.330.729	12.322.139
	Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.433.850	-
		8.764.579	12.322.139

5.15	Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác	31/12/2017	01/01/2017
5.15.1	Phải trả ngắn hạn khác	31/12/2017	01/01/2017

Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	27.037.400.000	-
Cổ tức phải trả cổ đông	223.755.260	320.466.316
Phải trả bảo hành công trình	-	3.600.000.000
Các khoản phải trả khác	27.261.155.260	3.920.466.316

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.15.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2017	01/01/2017
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	242.566.667	236.566.667
Nhàn kỳ quỹ, kỳ cược dài hạn		

5.16 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

31/12/2017		01/01/2017	
Gia trị	Số có khả năng trả nợ	Gia trị	Số có khả năng trả nợ
VND	VND	VND	VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác			
14.865.090.000	14.865.090.000	19.413.500.000	19.413.500.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đồng Nai			

Đây là khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đồng Nai theo hợp đồng vay số 098.39854/2016-HĐTDHM/NHCT680-CHATDOT ngày 25 tháng 03 năm 2016. Hạn mức vay là 60.000.000.000 VND. Lãi vay theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản thế chấp ghi nhận trong Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 14.62.300039854/HĐTC-CĐ ngày 18 tháng 09 năm 2014 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01-13.62.9854/HĐTC ngày 14 tháng 08 năm 2013.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	01/01/2017	phát sinh trong năm	Kết chuyển từ năm trước	Số tiền vay đã trả trong năm	31/12/2017
Vay ngắn hạn	19.413.500.000	168.602.290.000	-	(173.150.700.000)	14.865.090.000
Vay ngắn hạn ngân hàng	19.413.500.000	168.602.290.000	-	(173.150.700.000)	14.865.090.000

5.17 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	01/01/2017	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	31/12/2017
Quỹ khen thưởng	1.500.594.786	2.170.485.396	(1.963.441.167)	1.707.639.015
Quỹ phúc lợi	2.221.940.695	2.170.485.396	(2.105.033.530)	2.287.392.561
Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty	416.945.920	207.280.822	(598.000.000)	26.226.742

4.139.481.401	4.548.251.614	(4.666.474.697)	4.021.258.318
---------------	---------------	-----------------	---------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.18 Vốn chủ sở hữu

5.18.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	VND	VND	VND	VND
Số dư ngày 01/01/2016	20.798.000.000	12.466.334.026	16.632.965.497	49.897.299.523
Lãi trong năm	-	-	19.308.918.865	19.308.918.865
Trích lập quỹ đầu tư	-	1.870.381.854	(1.870.381.854)	-
phát triển	-	-	-	-
Trích lập quỹ khen	-	-	(2.244.458.225)	(2.244.458.225)
thưởng phúc lợi	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	(14.558.600.000)	(14.558.600.000)
Số dư ngày 31/12/2016	20.798.000.000	14.336.715.880	17.268.444.283	52.403.160.163
Số dư ngày 01/01/2017	20.798.000.000	14.336.715.880	17.268.444.283	52.403.160.163
Lãi trong năm	-	-	18.975.825.121	18.975.825.121
Trích lập quỹ đầu tư	-	1.897.582.512	(1.897.582.512)	-
phát triển	-	-	(4.548.251.614)	(4.548.251.614)
Trích lập quỹ khen	-	-	-	-
thưởng phúc lợi	-	-	-	-
Kết chuyển lợi nhuận	-	(3.910.699.626)	3.910.699.626	-
chưa phân phối theo	-	-	-	-
Biên bản họp HĐQT	-	-	-	-
Điều chỉnh thuế TNDN	-	-	(57.269.606)	(57.269.606)
Chia cổ tức 2016	-	-	(4.159.600.000)	(4.159.600.000)
Chia cổ tức 2017	-	-	(27.037.400.000)	(27.037.400.000)
Số dư ngày 31/12/2017	20.798.000.000	12.323.598.766	2.454.865.298	35.576.464.064

5.18.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (sửa đổi), vốn điều lệ của Công ty tương ứng là 20.798.000.000 VND. Tại ngày 31/12/2017, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Số cổ phần	Gia trị cổ phần VND	Tỷ lệ %	Số cổ phần	Gia trị cổ phần VND	Tỷ lệ %
Công ty TNHH MTV	1.060.800	10.608.000.000	51,00	106.080	10.608.000.000	51,00
Đầu tư Phát triển	443.500	4.435.000.000	21,32	44.350	4.435.000.000	21,32
Bưu Long	104.000	1.040.000.000	5,00	10.400	1.040.000.000	5,00
Công ty Xăng Dầu	471.500	4.715.000.000	22,68	47.150	4.715.000.000	22,68
Công ty Cổ Phần	2.079.800	20.798.000.000	100,00	207.980	20.798.000.000	100,00
Cổ đông khác						

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Công ty số 04/NQ-DHĐCĐ ngày 11 tháng 01 năm 2017, Đại hội đồng Cổ đông thông qua sửa đổi điều lệ Công ty và thay đổi mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành từ 100.000 VND/cổ phiếu thành 10.000 VND/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.18.3 Cổ phiếu

	31/12/2017	Cổ phiếu
Cổ phiếu	01/01/2017	
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.079.800	207.980
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.079.800	207.980
Cổ phiếu phổ thông	2.079.800	207.980
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.079.800	207.980
Cổ phiếu phổ thông	2.079.800	207.980
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (năm 2016: mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 100.000 VND/cổ phiếu).		

5.19 Các khoản mục ngoại bảng cân đối kế toán

5.19.1 Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	31/12/2017	VND
Từ 1 năm trở xuống	2.274.505.421	
Trên 1 năm đến 5 năm	8.923.021.683	
Trên 5 năm	47.776.398.678	
	58.973.925.782	

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

6.1.1 Doanh thu thuần

	Năm 2017	Năm 2016
Doanh thu bán hàng hóa	863.625.793.351	706.872.325.368
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.183.636.366	1.203.636.370
Các khoản giảm trừ:		
Hàng bán trả lại	(162.223.223)	(193.053.830)
Doanh thu thuần	864.647.206.494	706.882.907.908

6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Năm 2017	VND
Công ty TNHH MTV Dầu từ phát triển Bưu Long	215.387.480	
Công ty TNHH Thực phẩm Ràng Đông	665.691.672	
	881.079.152	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

6.2	Giá vốn hàng bán	Giá vốn hàng hóa đã bán	Năm 2017	Năm 2016	VND
			806.770.505.004	649.180.920.605	
			806.770.505.004	649.180.920.605	
6.3	Doanh thu hoạt động tài chính	Lãi tiền gửi ngân hàng Lãi vốn góp Cổ tức, lợi nhuận được chia	Năm 2017	Năm 2016	VND
			37.246.270	499.177.836	
			54.359.761	96.217.153	
			91.606.031	1.375.394.989	
6.4	Chi phí tài chính	Chi phí lãi vay	Năm 2017	Năm 2016	VND
			100.281.263	92.559.485	
			100.281.263	92.559.485	
6.5	Chi phí bán hàng	Chi phí nhân viên bán hàng Chi phí vật liệu bao bì Chi phí dụng cụ đồ dùng Chi phí khấu hao tài sản cố định Chi phí sửa chữa nhà cửa, cây xăng Chi phí tham quan, nghỉ mát Chi phí dịch vụ mua ngoài Chi phí bán hàng khác	Năm 2017	Năm 2016	VND
			18.608.691.581	19.182.538.492	
			139.884.287	121.259.137	
			147.981.808	54.307.358	
			670.017.981	777.533.790	
			911.345.390	-	
			679.390.909	-	
			1.594.631.244	2.441.234.960	
			1.142.260.544	889.086.275	
			23.894.203.744	23.465.960.012	
6.6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Chi phí nhân viên quản lý Chi phí vật liệu quản lý Chi phí đồ dùng văn phòng Chi phí khấu hao TSCĐ Thuế, phí và lệ phí Chi phí (hoàn nhập) dự phòng Chi phí dịch vụ mua ngoài Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	Năm 2017	Năm 2016	VND
			7.158.349.530	8.184.961.625	
			106.863.200	98.411.800	
			184.753.728	106.569.784	
			240.398.859	130.613.876	
			630.731.935	676.640.082	
			(212.017.489)	708.982.189	
			966.449.356	1.282.361.340	
			1.124.887.260	772.085.315	
			10.200.416.379	11.960.626.011	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

6.7 Thu nhập khác

	Năm 2017	Năm 2016
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	1.540.200.728	1.090.909.091
Thu bồi thường giải tỏa đất	183.311.000	-
Tiền điện, nước cho thuê ki ốt	174.921.736	139.689.119
Thu nhập khác	20.078.620	26.400
	1.918.512.084	1.230.624.610

6.8 Chi phí khác

	Năm 2017	Năm 2016
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	1.398.566.188	585.548.682
Thu lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát	219.000.000	92.700.000
Tiền điện nước hộ thuê ki ốt	174.921.738	139.689.120
Chi phí khấu hao	70.549.847	-
Chi phí khác	40.363.219	2.774.838
	1.903.400.992	820.712.640

6.9 Lãi/Lỗ cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2016
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.937	8.205	82.049
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.079.800	2.079.800	207.980
hàng trong năm (*)	14.427.573.507	17.064.460.640	17.064.460.640
Số cổ phiếu bình quân lưu hành	(4.548.251.614)	(2.244.458.225)	(2.244.458.225)
Từ: Số tam trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	18.975.825.121	19.308.918.865	19.308.918.865
đồng của công ty	VND/ cổ phiếu	VND/ cổ phiếu	VND/ cổ phiếu
Lợi nhuận sau thuế của cổ	mệnh giá 10.000	mệnh giá 10.000	mệnh giá 100.000
	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2016

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Công ty số 04/NQ-DHĐCĐ ngày 11 tháng 01 năm 2017, Đại hội đồng Cổ đông thông qua sửa đổi điều lệ Công ty và thay đổi mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành từ 100.000 VND/cổ phiếu thành 10.000 VND/cổ phiếu.

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

7.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Năm 2017
VND

3.182.538.333

7.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Trong năm, Công ty có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các công ty có liên quan như sau:

Bên liên quan Nội dung nghiệp vụ Năm 2017 VND

Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Bửu Long

Bán hàng hóa
Nhận hàng bán trả lại
215.387.480
7.872.979

Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Nai

Mua hàng hóa
466.485.455

Công ty Xăng dầu Đồng Nai

Mua hàng hóa
16.162.575.800

Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ Phần

Mua hàng hóa
3.497.350.000

Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông

Bán hàng hóa
Nhận cổ tức
665.691.672
54.359.761

Số dư với các bên liên quan:

Bên liên quan Nội dung

31/12/2017 VND

01/01/2017 VND

Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Bửu Long

Phải thu ngắn hạn
31.943.274

Công ty Xăng dầu Đồng Nai

Trả trước người bán
1.608.000

Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông

Phải thu ngắn hạn
56.453.760

7.2 Thông tin bộ phận

7.2.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là kinh doanh các sản phẩm xăng dầu, nhớt, các chất bôi trơn và khí dầu mỏ hoá lỏng, chất đốt.

7.2.2 Bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động Công ty đều diễn ra ở khu vực hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty (tỉnh Đồng Nai).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIÊU XÂY DỰNG VÀ CHẤT BÓT ĐỒNG NAI
255B Phạm Văn Thuận, P. Tân Mai, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BẢO CAO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

7.3

Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính (ngày 31 tháng 12 năm 2017) cho đến thời điểm lập Báo cáo này, yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

NGUYỄN THỊ THẠI LOAN
Người lập biên

ĐỖ VIỆT HẠNH
Kế toán trưởng

NGUYỄN VŨ TRƯỜNG SƠN
Giám đốc
Đồng Nai, ngày 31 tháng 01 năm 2018

